TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Ngọc và bà Đỗ Thị Hồng Dung

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; HKTT: TDP S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã Đ, huyện T (có mặt).

***2. Bị đơn*:** Anh Phan Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: TDP S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn C kết hôn với nhau ngày 30/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh C làm dâu ngay và vợ chồng ở chung cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến thời gian đầu năm 2015 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng mâu thuẫn 2 bên gia đình có khuyên bảo, hòa giải, dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã Đ, huyện T ở từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng

không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 18/8/2013 và cháu Phan Tú T, sinh ngày 10/8/2017. Hiện nay, cháu A, cháu T đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Văn C được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh C vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Phan Văn C. Giao cháu Phan Hoàng A và cháu Phan Tú T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Phan Văn C. Anh C đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thị trấn Đ, huyện T nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh C nhiều lần nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Phan Văn C kết hôn với nhau ngày 30/11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn nên mặc dù đã được hai gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết ly hôn, anh C được gia đình thông báo về việc đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị H, mặc dù biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh C không quan tâm và bỏ mặc để chị H tự giải quyết. Thể hiện anh C cũng không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình và tình trạng mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H và cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh C, chị H có 02 con chung là cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 18/8/2013 và cháu Phan Tú T, sinh ngày 10/8/2017. Hiện nay cháu A, cháu T đang ở cùng với chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu A, cháu T đang còn nhỏ và đang sinh hoạt, học tập cùng chị H từ nhỏ. Anh C vắng mặt không có lý do và không đưa quan điểm nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu A,

cháu T cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu A, cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh C vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh C. Vì vậy, về tài sản, công nợ, công sức Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về án phí*: Chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị H ly hôn anh Phan Văn C.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lê Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 18/8/2013 và cháu Phan Tú T, sinh ngày 10/8/2017 (cháu A và cháu T hiện đang ở cùng chị H). Anh Phan Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0000498 ngày 17 tháng 03 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mầu Văn Mùi